TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2019
"V/v tranh chấp ly hôn,
yêu cầu nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành
2. Bà Võ Tuyết Kha

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Tạ Văn Cung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Lý Thị Nhiên– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149A/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1985.
Trú tại: ấp 9, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B

Bị đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1978.
Trú tại: ấp 9, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B

(Chị Nguyễn Thị U, anh Dương Văn M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 26 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Dương Văn M vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn hợp với nhau, không còn hạnh phúc. Nay xét thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn M. Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Dương Thị M sinh ngày 15/11/2002 và cháu Dương Văn H sinh ngày 18/8/2006; hiện cháu M và cháu H đang sống cùng với chị và phát triển khỏe mạnh bình thường. Nay chị yêu cầu được nuôi

cháu M và cháu H không yêu cầu anh Dương Văn M cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung chị Nguyễn Thị U xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề trên.

Anh Dương Văn M không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án nên không thể thu thập chứng cứ từ lời khai từ anh Dương Văn M.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Bản tự khai của chị Nguyễn Thị U, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị U, giấy khai sinh của cháu M và H, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M, Đơn xin xác nhận nơi cư trú, Sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị U, anh Dương Văn M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia trong vụ án cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Nguyễn Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh Dương Văn M đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh Dương Văn M đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn M, chị Nguyễn Thị U. Từ đó đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về tố tụng đối với vụ án.

Về nội dung: Do chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M là vợ chồng; Về con chung: chị Nguyễn Thị U có yêu cầu nuôi con là cháu Dương Thị M và Dương Văn H, do cháu M và cháu H hiện đang chung sống với chị Nguyễn Thị U, xét thấy cháu M và cháu H vẫn phát triển tốt, nên đề nghị giao cháu M và cháu H cho chị Nguyễn Thị U nuôi dưỡng giáo dục; chị Nguyễn Thị U không yêu cầu anh Dương Văn M cấp dưỡng nuôi con, từ đó không buộc anh Dương Văn M phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu M và cháu H, anh Dương Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26 tháng 02 năm 2019 chị Nguyễn Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn M và yêu cầu nuôi con chung, chị Nguyễn Thị U đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Tòa án đã thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Chị Nguyễn Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, tuy

nhiên anh Dương Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị U, anh Dương Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M chung sống từ năm 1999, xây dựng hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, tuy nhiên anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có gia trị pháp lý, và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Nguyễn Thị U có yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn M, do anh Dương Văn M và chị Nguyễn Thị U không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M có 02 người con chung là Dương Thị M sinh ngày 15/11/2002 và cháu Dương Văn H sinh ngày 18/8/2006; hiện cháu M và cháu H đang sống cùng với chị và phát triển khỏe mạnh bình thường. Chị Nguyễn Thị U yêu cầu được nuôi cháu M và cháu H và không yêu cầu anh Dương Văn M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu M và cháu H đang chung sống cùng với chị Nguyễn Thị U vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường, trong thời gian ly thân anh Dương Văn M cũng không đến thăm nom hai cháu. Tại biên bản tiếp xúc ghi lời khai ngày 15/3/2019 cháu M, cháu H cũng có nguyện vọng được chung sống với chị U. Từ đó để đảm bảo cho tâm lý cháu phát triển ổn định, không phải thay đổi môi trường sống vì vậy tiếp tục giao cháu M và H cho chị Nguyễn Thị U nuôi dưỡng giáo dục. Do chị Nguyễn Thị U không yêu cầu anh Dương Văn M cấp dưỡng nuôi con vì vậy không buộc anh Dương Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn M được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 227, 228, 266, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng 9, 14, 15, 53, 58, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị U và anh Dương Văn M.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung là hai cháu Dương Thị M sinh ngày 15/11/2002, cháu Dương Văn H sinh ngày 18/8/2006 chị Nguyễn Thị U nuôi dưỡng giáo dục.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Thị U không có yêu cầu. Anh Dương Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013866 ngày 26/02/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị Nguyễn Thị U đã nộp đủ.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Hồ Huỳnh Tố Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.